TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 89/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 22 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 17/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Tấn M, sinh năm 1993. Nơi ĐKHKTT: 07/209 P, phường P, thành phố H, tỉnh T. Chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã T, huyện B, tỉnh Q.

2. Chị Đoàn Thị Diễm T, sinh năm: 1996. Nơi ĐKHTT và chỗ ở: 07/209 P, phường P, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau tại số 07/209 P, phường P, thành phố H, tỉnh T và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh T vào ngày 11/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm. Nay anh M và chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên cùng gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T có 01 con chung đăng ký khai sinh họ và tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/02/2018. Anh M

và chị T thỏa thuận giao cháu Nguyễn Tấn P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thỏa thuận anh Nguyễn Tấn M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Nguyễn Tấn P trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh M và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005395 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh M và chị T đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 12/02/2018 cho chị Đoàn Thị Diễm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Tấn M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Thời gian cấp

dưỡng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu Nguyễn Tấn P trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T cùng xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tấn M và chị Đoàn Thị Diễm T, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh M và chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005395 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T. Anh M và chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND phường A, thành phố H;
(Anh M và chị T ĐKKH số 28, ngày 11/4/2018)
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung